

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước số 10/2017/QH14 ngày 20/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp, hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 1330/STP-HCBTTP ngày 23/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Đề nghị các cơ quan thuộc Trung ương tổ chức theo ngành dọc hoạt động trên địa bàn tỉnh: Công an tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh; các cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2, Điều 3;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBNDTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn (UBND cấp huyện sao gửi triển khai);
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP, các phòng, trung tâm;
- Lưu: VT, NC (N_10).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

QUY CHẾ

Phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức, trách nhiệm giữa các cơ quan trong phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Những vấn đề phát sinh không có trong Quy chế thì thực hiện theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan giải quyết bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh.
- Cơ quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh (Sở Tư pháp).
- Các cá nhân, cơ quan, đơn vị liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

- Xác định trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan trong quá trình giải quyết vụ việc yêu cầu bồi thường nhà nước.
- Phát huy tính chủ động, trách nhiệm; phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất; hỗ trợ lẫn nhau trên cơ sở thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi cơ quan theo quy định của pháp luật.
- Kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc; đảm bảo thực hiện tốt công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Chương II PHỐI HỢP GIẢI QUYẾT VỤ, VIỆC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC

Điều 4. Phối hợp trong xác định cơ quan có trách nhiệm giải quyết bồi thường thiệt hại

1. Trường hợp người bị thiệt hại không xác định được cơ quan có thẩm quyền giải quyết bồi thường, thì nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường thiệt hại đến Sở Tư pháp theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước

a) Sở Tư pháp có trách nhiệm xác định, gửi hồ sơ đến cơ quan giải quyết bồi thường và thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu bồi thường;

b) Cơ quan giải quyết bồi thường có trách nhiệm thụ lý, giải quyết hồ sơ do Sở Tư pháp gửi đến theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP.

2. Sở Tư pháp tổ chức họp với các cơ quan liên quan để xác định cơ quan giải quyết bồi thường trong trường hợp cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại đã được chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hoặc bị giải thể; hoặc trường hợp có nhiều người thi hành công vụ thuộc nhiều cơ quan cùng gây thiệt hại theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 40 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và khoản 2, khoản 3 Điều 32 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP

a) Nếu thống nhất được cơ quan giải quyết bồi thường, thì Sở Tư pháp ban hành văn bản xác định cơ quan giải quyết bồi thường;

b) Nếu không thống nhất được cơ quan giải quyết bồi thường, thì Sở Tư pháp quyết định một trong số các cơ quan có liên quan là cơ quan giải quyết bồi thường và ban hành văn bản xác định cơ quan giải quyết bồi thường.

Điều 5. Phối hợp trong tạm ứng, cấp kinh phí bồi thường; kinh phí định giá tài sản, giám định tư pháp

1. Cơ quan giải quyết bồi thường có văn bản đề nghị cơ quan tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp bổ sung kinh phí để chi trả cho người yêu cầu bồi thường theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 44 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; để định giá tài sản, giám định thiệt hại theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP.

2. Cơ quan tài chính có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp bổ sung kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và khoản 4 Điều 17 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP.

Điều 6. Phối hợp trong xác minh thiệt hại

1. Người giải quyết bồi thường có thể yêu cầu cá nhân, cơ quan, đơn vị có liên quan cung cấp tài liệu, chứng cứ làm cơ sở cho việc xác minh thiệt hại trong các trường hợp sau đây theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và khoản 2 Điều 16 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP:

a) Cá nhân, tổ chức có liên quan có tài liệu, chứng cứ chứng minh thiệt hại mà người yêu cầu bồi thường không thể cung cấp;

b) Người yêu cầu bồi thường không cung cấp được bản chính để đối chiếu;

c) Xác nhận nội dung bản chính các giấy tờ, tài liệu thuộc thẩm quyền hoặc trách nhiệm của mình đã cung cấp cho người bị thiệt hại để chứng minh cho thiệt hại trong trường hợp không còn bản chính.

2. Người giải quyết bồi thường có thể lấy ý kiến bằng văn bản của một hoặc một số cá nhân, tổ chức có liên quan về thiệt hại, mức bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và Điều 18 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP

a) Cá nhân, tổ chức được lấy ý kiến:

- Cơ quan chuyên môn của cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực có liên quan đến các thiệt hại mà người yêu cầu bồi thường yêu cầu;

- Cơ quan tài chính có thẩm quyền;

- Chuyên gia về ngành, lĩnh vực có liên quan đến thiệt hại mà người yêu cầu bồi thường yêu cầu và mức yêu cầu bồi thường.

b) Các trường hợp lấy ý kiến:

- Thiệt hại xảy ra ở nhiều thời điểm khác nhau và tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ việc không rõ ràng, đầy đủ;

- Thiệt hại đã xảy ra từ 10 năm trở lên tính đến thời điểm thụ lý, giải quyết;

- Thiệt hại mà người yêu cầu bồi thường đưa ra trong hồ sơ có sự chênh lệch về giá trị bằng tiền từ 02 lần trở lên so với kết quả xác minh thiệt hại của cơ quan giải quyết bồi thường.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cá nhân, tổ chức được lấy ý kiến phải trả lời cơ quan giải quyết bồi thường bằng văn bản.

3. Người giải quyết bồi thường có thể đề nghị định giá tài sản, giám định thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và Điều 17 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP.

Cá nhân, cơ quan, tổ chức được đề nghị định giá tài sản, giám định thiệt hại thực hiện việc định giá theo quy định pháp luật về giá, thực hiện việc giám định thiệt hại theo quy định pháp luật về giám định tư pháp.

4. Trường hợp vụ việc phức tạp, cơ quan giải quyết bồi thường có thể đề nghị đại diện Sở Tư pháp, Sở Tài chính tham gia vào việc xác minh thiệt hại theo quy định tại khoản 4 Điều 45 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và Điều 19 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP

a) Vụ việc phức tạp là vụ việc thuộc một trong các trường hợp sau:

- Có nhiều loại thiệt hại xảy ra ở nhiều thời điểm khác nhau;
- Trong văn bản yêu cầu bồi thường trên 05 tỷ đồng;
- Có ảnh hưởng lớn đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

b) Sở Tư pháp, Sở Tài chính có trách nhiệm cử đại diện tham gia vào việc xác minh thiệt hại cùng cơ quan giải quyết bồi thường trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan giải quyết bồi thường.

Điều 7. Phối hợp trong thương lượng việc bồi thường

1. Sở Tư pháp là thành phần bắt buộc tham gia thương lượng đối với tất cả các vụ việc yêu cầu bồi thường thuộc trách nhiệm giải quyết của cơ quan giải quyết bồi thường trên địa bàn tỉnh theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 46 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và điểm b khoản 2 Điều 21 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP.

2. Cơ quan giải quyết bồi thường có thể mời đại diện cơ quan tài chính cùng cấp, cá nhân, tổ chức khác, yêu cầu người thi hành công vụ gây thiệt hại tham gia thương lượng trong các trường hợp sau theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 46 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và khoản 1 Điều 21 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP.

- a) Vụ việc phức tạp tại điểm a khoản 4 Điều 6 Quy chế này;
- b) Vụ việc không có sự tham gia của Sở Tư pháp, Sở Tài chính trong quá trình xác minh thiệt hại và báo cáo xác minh thiệt hại của cơ quan giải quyết bồi thường đề xuất mức bồi thường từ 01 tỷ đồng trở lên;
- c) Vụ việc mà thiệt hại do nhiều người thi hành công vụ thuộc nhiều cơ quan cùng gây ra;
- d) Các vụ việc cần thiết khác do Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường quyết định.

Điều 8. Phối hợp trong giải quyết vụ án dân sự về yêu cầu bồi thường, giải quyết yêu cầu bồi thường trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính tại Tòa án

1. Trường hợp người yêu cầu bồi thường khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc bồi thường, cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại có trách nhiệm đại diện Nhà nước tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn theo quy định tại khoản 7 Điều 52 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

2. Cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại có trách nhiệm chi trả tiền bồi thường cho người yêu cầu bồi thường theo bản án, quyết

định có hiệu lực pháp luật của Tòa án về giải quyết yêu cầu bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

3. Cơ quan, tổ chức, người có liên quan phải thực hiện việc khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp khác cho người bị thiệt hại theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án về giải quyết yêu cầu bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 54 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Điều 9. Phối hợp trong trực tiếp xin lỗi và cải chính công khai

1. Cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại có trách nhiệm mời các cơ quan, đơn vị liên quan sau tham gia buổi trực tiếp xin lỗi, cải chính công khai theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và khoản 1, khoản 3 Điều 23 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP

a) Đại diện lãnh đạo cơ quan tiến hành tố tụng có liên quan trong trường hợp có nhiều người thi hành công vụ thuộc nhiều cơ quan tiến hành tố tụng khác nhau cùng gây thiệt hại (thành phần bắt buộc phải có mặt);

b) Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị thiệt hại cư trú trong trường hợp người bị thiệt hại là cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở trong trường hợp người bị thiệt hại là pháp nhân thương mại (thành phần bắt buộc phải có mặt);

c) Đại diện cơ quan, tổ chức nơi người bị thiệt hại làm việc, học tập (nếu có); đại diện tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp mà người bị thiệt hại là thành viên (nếu có);

d) Các thành phần khác mà cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại thấy cần thiết.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức buổi trực tiếp xin lỗi và cải chính công khai có trách nhiệm bảo đảm an ninh, trật tự cho buổi trực tiếp xin lỗi và cải chính công khai; trường hợp cần thiết, cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại có trách nhiệm đề nghị cơ quan Công an cấp huyện nơi tổ chức buổi trực tiếp xin lỗi và cải chính công khai chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã bảo đảm an ninh, trật tự cho buổi trực tiếp xin lỗi và cải chính công khai nếu được đề nghị theo quy định tại điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 23 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP.

Điều 10. Phối hợp trong đăng báo xin lỗi và cải chính công khai

1. Ngay sau khi đăng báo xin lỗi và cải chính công khai, cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại có trách nhiệm gửi tờ báo đó tới Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị thiệt hại cư trú trong trường hợp người bị thiệt hại là cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở trong trường hợp người bị thiệt hại là pháp nhân

thương mại để niêm yết công khai tại trụ sở theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị thiệt hại cư trú trong trường hợp người bị thiệt hại là cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở trong trường hợp người bị thiệt hại là pháp nhân thương mại có trách nhiệm niêm yết các trang báo đăng nội dung xin lỗi và cải chính công khai với thời gian niêm yết là 15 ngày theo quy định tại khoản 5 Điều 25 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP.

Điều 11. Phối hợp trong lập dự toán, cấp phát, chi trả kinh phí bồi thường

1. Hàng năm, căn cứ thực tế số tiền bồi thường, chi phí cho việc định giá tài sản, giám định thiệt hại đã cấp phát của năm trước, các đơn vị lập dự toán kinh phí bồi thường gửi cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan tài chính cùng cấp báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định giao dự toán để các đơn vị thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

2. Cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại

a) Gửi hồ sơ đề nghị cấp kinh phí bồi thường đến cơ quan tài chính cùng cấp trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày văn bản giải quyết yêu cầu bồi thường có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 62 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

b) Quyết toán với cơ quan tài chính sau khi chi trả tiền bồi thường cho người bị thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều 63 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

3. Cơ quan Tài chính

a) Hoàn thành việc cấp phát kinh phí bồi thường cho cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều 62 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

b) Quyết toán kinh phí bồi thường khi kết thúc năm ngân sách theo quy định tại khoản 2 Điều 63 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Điều 12. Phối hợp trong xác định trách nhiệm hoàn trả trong trường hợp có nhiều người thi hành công vụ thuộc nhiều cơ quan khác nhau gây thiệt hại

1. Thủ trưởng cơ quan đã chi trả tiền bồi thường gửi văn bản đề nghị các cơ quan có liên quan cử người tham gia Hội đồng xem xét trách nhiệm hoàn trả trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày chi trả xong tiền bồi thường; các cơ quan có liên quan đến vụ việc có văn bản cử người tham gia Hội đồng trong thời hạn 01

ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và điểm a, điểm b khoản 2 Điều 28 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP.

2. Thành viên của Hội đồng phải có những thành phần sau theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP

a) Đại diện Công đoàn cơ sở của các cơ quan có người thi hành công vụ gây thiệt hại;

b) Đại diện cơ quan đã ban hành văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường trong trường hợp văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường không có nội dung xác định lỗi của người thi hành công vụ;

c) Đại diện cơ quan, đơn vị, địa phương đang trực tiếp quản lý, sử dụng, trả lương cho người thi hành công vụ gây thiệt hại trong trường hợp người đó đã chuyển sang cơ quan, đơn vị, địa phương khác;

d) Đại diện cơ quan bảo hiểm xã hội đang chi trả lương hưu cho người thi hành công vụ trong trường hợp người đó đã nghỉ hưu;

đ) Các thành phần khác mà cơ quan đã chi trả tiền bồi thường thấy cần thiết;

e) Người tham gia Hội đồng không được là người thân thích theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình của người thi hành công vụ gây thiệt hại hoặc của người bị thiệt hại.

Điều 13. Phối hợp trong xử lý tiền đã hoàn trả, trách nhiệm hoàn trả khi văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định không còn là căn cứ yêu cầu bồi thường mà người thi hành công vụ gây thiệt hại đã hoàn trả

1. Cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ có văn bản đề nghị cơ quan tài chính có thẩm quyền cấp/cấp bổ sung kinh phí để trả lại tiền hoàn trả cho người thi hành công vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và điểm b khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 31 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, cơ quan tài chính có thẩm quyền hoàn thành việc cấp/cấp bổ sung kinh phí cho cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và điểm c khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 31 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP.

Điều 14. Phối hợp thu tiền hoàn trả trong trường hợp người thi hành công vụ chuyển sang cơ quan, đơn vị, địa phương khác

Cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại tại thời điểm người đó gây ra thiệt hại có trách nhiệm yêu cầu cơ quan, đơn vị, địa phương đang trực tiếp quản lý, sử dụng, trả lương cho người thi hành công vụ gây thiệt hại thu tiền hoàn trả theo quyết định hoàn trả và nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Điều 15. Phối hợp thu tiền hoàn trả trong trường hợp người thi hành công vụ gây thiệt hại đã nghỉ hưu, nghỉ việc

1. Cơ quan Bảo hiểm xã hội đang trả lương hưu cho người thi hành công vụ gây thiệt hại có trách nhiệm thu tiền theo quyết định hoàn trả và nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 71 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

2. Trường hợp người thi hành công vụ gây thiệt hại đã nghỉ việc nhưng không hưởng lương hưu hoặc không làm việc tại cơ quan, đơn vị nào khác thì cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại tại thời điểm người đó gây ra thiệt hại có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định hoàn trả theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Điều 16. Trách nhiệm gửi văn bản trong quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường và xác định trách nhiệm hoàn trả

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ yêu cầu bồi thường nhà nước phải gửi Thông báo thụ lý/không thụ lý hồ sơ về Sở Tư pháp theo quy định tại khoản 4 Điều 43 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

2. Cơ quan giải quyết yêu cầu bồi thường phải gửi Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan các quyết định: cử người giải quyết bồi thường; hủy, sửa chữa, bổ sung quyết định giải quyết bồi thường; hoãn, tạm đình chỉ, đình chỉ yêu cầu giải quyết bồi thường; hoàn trả theo quy định tại khoản 4 Điều 43, khoản 5 Điều 48, khoản 3 Điều 49, khoản 4 Điều 50, khoản 3 Điều 51, khoản 4 Điều 66 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Chương III

PHỐI HỢP TRONG QUẢN LÝ CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC

Điều 17. Phối hợp trong thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về công tác bồi thường nhà nước hàng năm

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm công tác bồi thường nhà nước hàng năm trên địa bàn tỉnh.

2. Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm phối hợp triển khai hiệu quả trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao.

Điều 18. Phối hợp trong hướng dẫn nghiệp vụ, giải đáp vướng mắc theo quy định từ Điều 3 đến Điều 7 Thông tư số 08/2019/TT-BTP

1. Trách nhiệm thực hiện

a) Sở Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn nghiệp vụ trong bồi thường nhà nước (trả lời những đề xuất, kiến nghị của cơ quan giải quyết bồi thường hoặc cơ quan khác có liên quan đến công tác bồi thường nhà nước)

- Nếu cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại: nội dung hướng dẫn nghiệp vụ bao gồm: giải quyết yêu cầu bồi thường; đề nghị cấp kinh phí bồi thường và chi trả tiền bồi thường; xác định trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ gây thiệt hại; quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước;

- Nếu cơ quan giải quyết bồi thường là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục tố tụng: nội dung hướng dẫn nghiệp vụ bao gồm: xác định phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; xác định thiệt hại và giá trị thiệt hại được bồi thường.

b) Sở Tư pháp giải đáp vướng mắc trong bồi thường nhà nước (có ý kiến về những đề xuất, kiến nghị của cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân không liên quan đến vụ việc bồi thường nhà nước)

Nội dung giải đáp vướng mắc bao gồm: quyền và nghĩa vụ của người yêu cầu bồi thường, người thi hành công vụ gây thiệt hại; trách nhiệm của cơ quan giải quyết bồi thường; giải quyết yêu cầu bồi thường; đề nghị cấp kinh phí bồi thường và chi trả tiền bồi thường; xác định trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ gây thiệt hại; quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước.

2. Hình thức hướng dẫn nghiệp vụ, giải đáp vướng mắc

a) Việc hướng dẫn nghiệp vụ được thực hiện bằng văn bản trên cơ sở yêu cầu bằng văn bản của cơ quan đề nghị hướng dẫn hoặc được thực hiện trực tiếp tại cơ quan giải quyết bồi thường hoặc tại cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước tại địa phương nơi phát sinh vụ việc. Văn bản hướng dẫn nghiệp vụ phải nêu rõ căn cứ pháp luật và các nội dung hướng dẫn;

b) Việc giải đáp vướng mắc được thực hiện bằng văn bản đối với đề nghị bằng văn bản hoặc được thực hiện trực tiếp trên Cổng thông tin điện tử (Trang thông tin điện tử) hoặc hộp thư điện tử đối với đề nghị giải đáp thông qua Cổng Thông tin điện tử (Trang thông tin điện tử) hoặc hộp thư điện tử. Văn bản giải đáp vướng mắc phải nêu rõ căn cứ pháp luật và các nội dung giải đáp vướng mắc.

3. Phối hợp thực hiện hướng dẫn nghiệp vụ, giải đáp vướng mắc

Trường hợp cần thống nhất nội dung trước khi hướng dẫn nghiệp vụ, giải đáp vướng mắc, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện thông qua trao đổi ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua họp liên ngành.

Điều 19. Phối hợp trong bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm tổ chức bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước theo chỉ đạo của Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm trong phối hợp thực hiện.

Điều 20. Phối hợp hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường trong phạm vi tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại Thông tư số 09/2019/TT-BTP

1. Sở Tư pháp hướng dẫn thực hiện đối với vụ việc đã có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường. Nội dung hướng dẫn gồm: quyền và nghĩa vụ của người bị thiệt hại; trách nhiệm của cơ quan giải quyết bồi thường; trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại; phục hồi danh dự; việc chi trả tiền bồi thường.

2. Trường hợp cần thống nhất nội dung hướng dẫn

a) Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước như sau:

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành, cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh có liên quan hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính và thi hành án dân sự;

- Phối hợp với Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, cơ quan công an cấp tỉnh hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước trong hoạt động tố tụng và thi hành án hình sự.

b) Việc phối hợp được thực hiện thông qua trao đổi ý kiến bằng văn bản hoặc họp liên ngành để thống nhất nội dung trước khi hướng dẫn.

Điều 21. Phối hợp trong theo dõi công tác bồi thường nhà nước theo quy định từ Điều 8 đến Điều 12 Thông tư số 08/2019/TT-BTP

1. Sở Tư pháp thực hiện việc nắm bắt thông tin đối với các vụ việc yêu cầu bồi thường, giải quyết bồi thường, cấp kinh phí bồi thường và chi trả tiền bồi thường, xác định và thực hiện trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ gây thiệt hại, xử lý kỷ luật người thi hành công vụ gây thiệt hại của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.

2. Các căn cứ theo dõi công tác bồi thường nhà nước

a) Các báo cáo về việc giải quyết yêu cầu bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả và việc xử lý kỷ luật người thi hành công vụ gây thiệt hại; báo cáo việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước;

b) Quyết định giải quyết bồi thường của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại; bản án, quyết định của Tòa án về giải quyết vụ án dân sự, hình sự, hành chính có nội dung giải quyết bồi thường;

c) Đề nghị hướng dẫn nghiệp vụ, giải đáp vướng mắc hoặc đề nghị hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường;

d) Kết quả hoạt động kiểm tra, thanh tra công tác bồi thường nhà nước;

đ) Thông tin báo chí; khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân về công tác bồi thường nhà nước;

e) Căn cứ khác có thông tin liên quan đến công tác bồi thường nhà nước.

3. Hình thức thực hiện theo dõi công tác bồi thường nhà nước

a) Lập Danh mục vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường/năm đối với các vụ việc mà cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại có trụ sở chính tại địa phương mình là cơ quan giải quyết bồi thường hoặc là bị đơn, bị đơn dân sự, người bị kiện trong vụ án dân sự, vụ án hình sự hoặc vụ án hành chính có nội dung giải quyết bồi thường;

b) Yêu cầu cơ quan giải quyết bồi thường báo cáo về giải quyết yêu cầu bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả và xử lý kỷ luật người thi hành công vụ.

Điều 22. Phối hợp trong đơn đốc công tác bồi thường nhà nước theo quy định từ Điều 13 đến Điều 15 Thông tư số 08/2019/TT-BTP

1. Sở Tư pháp trực tiếp hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền có văn bản đơn đốc, yêu cầu một hoặc một số cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan thi hành án ở địa phương thực hiện công tác bồi thường nhà nước đúng quy định của pháp luật. Văn bản đơn đốc phải nêu rõ căn cứ pháp luật và nhiệm vụ công tác bồi thường nhà nước phải thực hiện.

2. Nội dung đơn đốc: giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại; phục hồi danh dự; cấp kinh phí bồi thường và chi trả tiền bồi thường; xác định và thực hiện trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ gây thiệt hại.

3. Căn cứ thực hiện đơn đốc

a) Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của người yêu cầu bồi thường, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về hoạt động giải quyết yêu cầu bồi thường,

cấp kinh phí, chi trả tiền bồi thường hoặc xác định trách nhiệm hoàn trả;

b) Kiến nghị yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

c) Kết quả hướng dẫn nghiệp vụ, giải đáp vướng mắc, theo dõi, kiểm tra, thanh tra công tác bồi thường nhà nước, hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường;

d) Quyết định giải quyết bồi thường hoặc bản án, quyết định của Tòa án về giải quyết yêu cầu bồi thường có hiệu lực pháp luật;

đ) Quyết định có liên quan về trách nhiệm hoàn trả;

e) Báo cáo về giải quyết yêu cầu bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ gây thiệt hại của cơ quan giải quyết bồi thường.

4. Phối hợp thực hiện đơn đốc

a) Thực hiện thông qua đề nghị bằng văn bản: Sở Tư pháp phải nêu rõ căn cứ pháp luật và nhiệm vụ công tác bồi thường nhà nước cần đơn đốc thực hiện. Cơ quan nhận được đề nghị có trách nhiệm nghiên cứu, trả lời bằng văn bản thống nhất hay không thống nhất với đề nghị đơn đốc và lý do không thống nhất;

b) Thực hiện thông qua họp liên ngành: Sở Tư pháp phải chuẩn bị tài liệu cuộc họp và gửi trước cho các cơ quan được mời tham gia cuộc họp. Cơ quan được mời tham gia cuộc họp có trách nhiệm cử đại diện theo đúng yêu cầu. Đại diện được cử tham gia cuộc họp có trách nhiệm chuẩn bị ý kiến và tài liệu theo yêu cầu của cơ quan tổ chức cuộc họp.

Điều 23. Phối hợp trong kiến nghị, yêu cầu người có thẩm quyền thực hiện công tác bồi thường nhà nước trong một số trường hợp cụ thể theo quy định từ Điều 28 đến Điều 30 Thông tư số 08/2019/TT-BTP

1. Sở Tư pháp chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Kiến nghị người có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án về giải quyết vụ án dân sự về bồi thường nhà nước; hoặc Bản án, quyết định của Tòa án về giải quyết vụ án hình sự có nội dung giải quyết yêu cầu bồi thường; hoặc Bản án, quyết định của Tòa án về giải quyết vụ án hành chính có nội dung giải quyết yêu cầu bồi thường (trừ các bản án, quyết định có bị đơn hoặc bị đơn dân sự hoặc người bị kiện là cơ quan Trung ương hoặc bản án, quyết định của Tòa án thuộc trách nhiệm kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tư pháp đã đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị nhưng Ủy ban nhân dân tỉnh không thực hiện);

b) Yêu cầu Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại tại địa phương hủy Quyết định giải quyết bồi thường trong trường hợp có căn cứ hủy theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 48 Luật Trách nhiệm bồi

thường của Nhà nước nhưng đơn vị đó không thực hiện huỷ;

c) Kiến nghị Thủ trưởng cơ quan đã chi trả tiền bồi thường tại địa phương hoặc Thủ trưởng cơ quan tiến hành tố tụng hình sự trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại tại địa phương xem xét lại quyết định hoàn trả, quyết định giảm mức hoàn trả.

2. Các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp tham gia ý kiến về nội dung liên quan khi có đề nghị của Sở Tư pháp.

3. Cơ quan, đơn vị được kiến nghị có trách nhiệm phối hợp trong xem xét, thực hiện kiến nghị hoặc giải trình nếu có căn cứ.

Điều 24. Phối hợp trong kiểm tra công tác bồi thường nhà nước theo quy định từ Điều 16 đến Điều 23 Thông tư số 08/2019/TT-BTP

1. Sở Tư pháp xây dựng các Dự thảo Kế hoạch kiểm tra công tác bồi thường nhà nước định kỳ, đột xuất trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng và thi hành án tại địa phương để xem xét, đánh giá tính hợp pháp trong việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước; gửi Dự thảo Kế hoạch kiểm tra xin ý kiến các cơ quan có liên quan đến nội dung kiểm tra.

2. Cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm góp ý vào Dự thảo kế hoạch kiểm tra và cử người tham gia Đoàn kiểm tra theo đúng yêu cầu. Kế hoạch kiểm tra sau khi ban hành phải được gửi cho các thành phần tham gia Đoàn Kiểm tra và cơ quan thuộc đối tượng kiểm tra trước khi tiến hành kiểm tra 15 ngày.

3. Cơ quan được kiểm tra phối hợp thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 21 Thông tư số 08/2019/TT-BTP.

Điều 25. Phối hợp trong thanh tra công tác bồi thường nhà nước theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP

1. Sở Tư pháp thanh tra công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng và thi hành án tại địa phương theo quy định pháp luật về thanh tra.

2. Cơ quan, đơn vị được thanh tra phối hợp thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định pháp luật về thanh tra.

3. Cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao khi có đề nghị của Sở Tư pháp.

Điều 26. Phối hợp trong báo cáo, thống kê việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước theo quy định tại Điều 24, Điều 25 Thông tư số 08/2019/TT-BTP

1. Sở Tư pháp chủ trì, đề nghị, đôn đốc các cơ quan, đơn vị liên quan thực

hiện việc báo cáo, thống kê đột xuất, định kỳ theo quy định; tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định.

2. Các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện đầy đủ, kịp thời, chính xác việc thống kê, báo cáo về công tác bồi thường nhà nước theo đề nghị, hướng dẫn của Sở Tư pháp.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Chủ trì tổ chức thực hiện Quy chế này.
2. Đơn đốc, theo dõi, đánh giá về công tác phối hợp.
3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức họp liên ngành để sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Quy chế, rút kinh nghiệm, tháo gỡ những vướng mắc, đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 28. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Phối hợp với Sở Tư pháp tổ chức thực hiện Quy chế này.
2. Tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung Quy chế đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị, địa phương.
3. Công an tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo Công an cấp huyện, Tòa án nhân dân cấp huyện, Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện, Chi cục Thi hành án dân sự cấp huyện triển khai thực hiện Quy chế này.
4. Tòa án gửi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật và bản án phúc thẩm liên quan đến trách nhiệm bồi thường của Nhà nước cho Sở Tư pháp theo quy định tại khoản 3 Điều 269 và khoản 2 Điều 315 Bộ luật Tố tụng dân sự về việc giao, gửi bản án.

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến chỉ đạo giải quyết./.